

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		16.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.500.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(12.600.000.000)	(18.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.600.000.000)</b>	<b>(18.900.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(37.553.989.619)</b>	<b>(28.999.260.606)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		235.255.185.591	175.868.218.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		254.909.567	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>197.956.105.539</b>	<b>146.868.957.667</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Hoàng Lê Khanh  
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**Mẫu B 09a – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; khai thác quặng sắt; lắp đặt hệ thống điện, chi tiết xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và xây dựng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng kim loại quý hiếm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 217 nhân viên (31/12/2012: 209 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 - 48 năm.

**(ii) Bản quyền, bằng sáng chế**

Bản quyền, bằng sáng chế bao gồm chi phí mua các phát minh liên quan đến công nghệ khai thác mỏ. Chi phí mua đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(iii) Chi phí thăm dò và đánh giá**

Chi phí thăm dò và đánh giá bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp cho các hoạt động thăm dò nhằm xác định điểm quặng antimon trong khu vực mỏ. Các chi phí này được vốn hóa và phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ dùng trong quá trình sản xuất. Các chi phí này được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 -3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Chi phí khôi phục môi trường***

Theo Giấy phép Khai thác Khoáng sản cấp ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang mà Công ty đã khai thác vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Dự phòng chi phí khôi phục môi trường được lập dựa trên lãi suất chiết khấu là 9%/năm.

**(l) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là khai thác và chế biến khoáng sản, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này, và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	794.879.040	826.326.642
Tiền gửi ngân hàng	7.816.474.186	9.541.356.809
Các khoản tương đương tiền	189.344.752.313	224.887.502.140
	<hr/>	<hr/>
	197.956.105.539	235.255.185.591
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**5. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	4.338.451.113	1.889.553.409
Công cụ và dụng cụ	382.859.441	425.207.741
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	364.058.358
Thành phẩm	7.768.235.659	7.589.768.210
	<hr/>	<hr/>
	12.489.546.213	10.268.587.718
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	15.527.579.596	15.336.725.987	5.328.858.681	996.278.016	37.189.442.280
Tăng trong kỳ	15.533.539.746	2.509.500.000	-	73.890.000	18.116.929.746
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	1.318.581.441	1.667.999.984	-	-	2.986.581.425
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(107.159.332)	(275.231.892)	-	(615.729.516)	(998.120.740)
Số dư cuối kỳ	32.272.541.451	19.238.994.079	5.328.858.681	454.438.500	57.294.832.711
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	6.100.525.077	7.451.290.183	2.430.265.067	456.079.799	16.438.160.126
Khấu hao trong kỳ	1.724.461.722	1.051.182.643	359.340.923	140.145.586	3.275.130.874
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(100.522.339)	(143.655.877)	-	(344.996.301)	(589.174.517)
Số dư cuối kỳ	7.724.464.460	8.358.816.949	2.789.605.990	251.229.084	19.124.116.483
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	9.427.054.519	7.885.435.804	2.898.593.614	540.198.217	20.751.282.154
Số dư cuối kỳ	24.548.076.991	10.880.177.130	2.539.252.691	203.209.416	38.170.716.228

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 9.653 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 6.684 triệu VND).

(\*) Trong kỳ, Công ty phân loại giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế VND</b>	<b>Chi phí thăm dò và đánh giá VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	2.432.595.455	380.554.359	2.316.881.542	5.130.031.356
Tăng trong kỳ	395.000.000	-	-	395.000.000
Số dư cuối kỳ	2.827.595.455	380.554.359	2.316.881.542	5.525.031.356
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	150.758.776	380.554.359	2.316.881.542	2.848.194.677
Khấu hao trong kỳ	49.867.622	-	-	49.867.622
Số dư cuối kỳ	200.626.398	380.554.359	2.316.881.542	2.898.062.299
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	2.281.836.679	-	-	2.281.836.679
Số dư cuối kỳ	2.626.969.057	-	-	2.626.969.057

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.697 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 2.697 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Quyền sử dụng đất phản ánh giá trị quyền sử dụng đất tại Đường Trần Phú và Đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang. Ngoài ra, theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang, Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m<sup>2</sup> đất tại Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị để có quyền sử dụng đất này được đánh giá là không đáng kể.

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.327.211.899	4.138.489.969
Tăng trong kỳ/năm	3.144.867.425	8.228.094.649
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.986.581.425)	(6.039.372.719)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	6.485.497.899	6.327.211.899

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Dự án Thăm dò mỏ antimon tại mỏ Bó Mới giai đoạn 1	5.230.956.987	5.072.670.987
Dự án Nhà máy tuyển quặng antimon Mậu Duệ	536.708.631	536.708.631
Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng HGM	174.360.909	174.360.909
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimon mỏ Mậu Duệ	543.471.372	543.471.372
	<hr/>	<hr/>
	6.485.497.899	6.327.211.899



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2013				31/12/2012			
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư khác:								
▪ Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i)	2.187.600	6%	6%	38.426.000.000	487.600	1,3%	1,3%	8.676.000.000
▪ Quỹ bảo lãnh Tín dụng Tỉnh Hà Giang				500.000.000				500.000.000
				<u>38.926.000.000</u>				<u>9.176.000.000</u>

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã đầu tư mua 2.187.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 38.426 triệu VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để làm cơ sở xác định khoản đầu tư này có bị suy giảm giá trị và Công ty có phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư hay không. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu của khoản đầu tư trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	425.337.764
Tăng trong kỳ	647.904.178
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình (*)	408.946.223
Phân bổ trong kỳ	(224.786.625)
Số dư cuối kỳ	<u>1.257.401.540</u>

(\*) Khoản này thể hiện giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45, được phân loại từ tài sản cố định hữu hình trong kỳ (Thuyết minh 6), và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	366.886.270	3.296.395.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.463.272.763	6.909.872.364
Thuế thu nhập cá nhân	162.772.955	42.675.075
Thuế tài nguyên	511.360.000	4.661.056.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	353.000	353.000
<b>Các khoản phải nộp khác</b>		
Phí môi trường	31.960.000	497.499.150
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.536.604.988</b>	<b>15.407.852.340</b>
	<hr/>	<hr/>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	61.127.912	20.497.961
Bảo hiểm xã hội	-	3.439.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.632.371.771	167.725.220
	<hr/>	<hr/>
	<b>4.693.499.683</b>	<b>191.662.281</b>
	<hr/>	<hr/>

**13. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	<b>Chi phí khôi phục môi trường VND</b>
Số dư đầu kỳ	-
Dự phòng lập trong kỳ	14.831.068.837
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<b>14.831.068.837</b>
	<hr/>